

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

● HỒ THỊ YẾN LY - ĐỖ THỊ BÍCH HỒNG

TÓM TẮT:

Nhằm phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thành tổ chức có khả năng tự chủ và phát triển ổn định lâu dài, là kênh tín dụng quan trọng, góp phần thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới, việc tăng cường khả năng huy động vốn và nâng cao hoạt động tín dụng ngân hàng cần phải được chú trọng. Bài viết sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích các chỉ số tài chính về hoạt động huy động vốn và tín dụng tìm ra các ưu điểm và nhược điểm từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hoạt động tín dụng của NHCSXH.

Từ khóa: phân tích tài chính, huy động vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội, tín dụng.

1. Đặt vấn đề

Ngày 04/1/2023, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 05/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 nêu ra mục tiêu tổng quát: “Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội thành tổ chức có khả năng tự chủ và phát triển ổn định lâu dài, đồng thời duy trì được vai trò là định chế tài chính công thực hiện các chính sách xã hội của Chính phủ, tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần. Nhà nước tập trung nguồn lực cho NHCSXH để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội phù hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia và các nội dung của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” và những mục tiêu cụ thể cần phải đạt được, như: mục tiêu tăng trưởng vốn tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn, tăng trưởng dư nợ tín dụng,...

2. Phương pháp phân tích

- Phương pháp phân tích so sánh: Giúp đánh giá khái quát các chỉ tiêu tài chính từ tổng quát đến chi tiết cho ta biết khả năng tăng trưởng và rủi ro, cũng như xác định những nguyên nhân của nó.

- Phương pháp phân tích theo tỷ lệ: Cho biết các

mối quan hệ của các chỉ tiêu tài chính giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất cũng như xu hướng phát triển của ngân hàng.

3. Nội dung phân tích

3.1. Đánh giá khái quát tình hình nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội

Nguồn vốn vay và hoạt động của NHCSXH là thành phần chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn của ngân hàng qua các năm. Năm 2021, tuy dịch bệnh Covid-19 gây khó khăn cho nền kinh tế nhưng nguồn vốn vay và huy động của ngân hàng tăng 15.293 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 9,16% so với năm 2020, có thể đây là tỷ lệ tăng chưa cao, nhưng cũng cho thấy sự nỗ lực trong hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Bên cạnh đó, nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương cũng tăng với tỷ lệ khá cao trong năm 2021 tăng 21,59% có chậm hơn so với tỷ lệ tăng năm 2020 nhưng điều đó cũng cho thấy được sự quan tâm dành nguồn ngân sách Nhà nước ủy thác qua NHCSXH để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3.2. Phân tích cơ cấu vốn vay và huy động

Qua số liệu Bảng 2 cho thấy nguồn vốn vay và huy động của ngân hàng tăng qua các năm, đặc biệt

Bảng 1. Tình hình nguồn vốn hoạt động của NHCSXH (2019-2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2020/2019			So sánh 2021/2020		
					Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Tỷ trọng %	Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Tỷ trọng %
1	Vốn NSNN cấp	35.591	37.604	39.387	2.013	5,66%	-0,67%	1.783	4,74%	-0,72%
2	Vốn vay và huy động	151.847	167.036	182.329	15.189	10,00%	-0,11%	15.293	9,16%	-0,38%
3	Vốn nhận ủy thác từ NSDP	15.434	20.315	24.702	4.881	31,62%	1,39%	4.387	21,59%	0,92%
4	Nguồn vốn khác	13.490	13.421	15.193	-69	-0,51%	-0,60%	1.772	13,20%	0,18%
	Tổng nguồn vốn	216.362	238.376	261.611	22.014	10,17%	0,00%	23.235	9,75%	0,00%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên NHCSXH

Bảng 2. Cơ cấu vốn vay và huy động vốn của NHCSXH qua các năm (2019-2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2020/2019		So sánh 2021/2020	
					Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Tuyệt đối	Tỷ lệ %
	Vốn vay và huy động	151.847	167.036	182.329	15.189	10,00%	15.293	9,16%
a	Vốn vay NHNN và vay nhận ủy thác ngoài	12.162	10.764	11.861	-1.398	-11,49%	1.097	10,19%
b	Nhận tiền gửi 2% của các TCTDNN	71.270	81.462	90.500	10.192	14,30%	9.038	11,09%
c	Phát hành trái phiếu NHCSXH	39.291	39.286	39.230	-5	-0,01%	-56	-0,14%
d	Huy động vốn tổ chức, cá nhân	29.124	35.524	40.738	6.400	21,98%	5.214	14,68%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên NHCSXH

là nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân tăng trong năm 2020 tăng 21,98% và năm 2021 tăng 14,68%, tuy tỷ lệ tăng có chậm lại nhưng cũng cho thấy sự nỗ lực và hiệu quả của ngân hàng trong việc tổ chức, vận động, tuyên truyền chính sách tiền gửi của ngân hàng.

3.3. Phân tích dư nợ tín dụng theo chương trình cho vay

Qua dữ liệu tổng hợp (Bảng 3) cho thấy dư nợ cho vay hoạt động tín dụng tăng. Tỷ trọng dư nợ cho vay xóa đói giảm nghèo giảm cho thấy sự nỗ lực trong việc thu hồi nợ vay của ngân hàng và cho thấy sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, cải thiện đời sống kinh tế của người dân.

3.4. Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên nguồn vốn

Qua số liệu phân tích Bảng 4 cho thấy tỷ lệ dư nợ hiện nay của NHCSXH chiếm tỷ lệ quá cao so với tổng nguồn vốn, có nghĩa là khả năng mất an toàn rất lớn của ngân hàng đối với những khoản

vay. Do đó, ngân hàng cần phải kiểm soát và thu hồi những khoản nợ đúng theo thời hạn quy định nhằm tránh rủi ro.

3.5. Vòng quay tín dụng

Vòng quay tín dụng = Doanh số thu nợ trong kỳ/ Dư nợ bình quân trong kỳ

Vòng quay tín dụng thể hiện tốc độ lưu chuyển các khoản vay. Trong năm 2021, vòng quay vốn tín dụng giảm không đáng kể, cho thấy ngân hàng đã duy trì tốc độ lưu chuyển khoản vay ổn định, đảm bảo việc xoay vòng vốn tương đối tốt.

3.6. Tỷ lệ thu nợ

Tỷ lệ thu nợ (%) = Doanh số thu nợ/ doanh số cho vay

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng trong việc thu nợ của ngân hàng. Nếu doanh số cho vay nhất định thì ngân hàng sẽ thu về được bao nhiêu đồng vốn

Qua số liệu cho thấy tỷ lệ thu nợ của ngân hàng

Bảng 3. Bảng dữ liệu tổng hợp dư nợ cho vay hoạt động tín dụng của NHCSXH (2019 - 2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2020/2019		So sánh 2021/2020	
				Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Tuyệt đối	Tỷ lệ %
Tổng dư nợ tín dụng	206.805	226.197	247.970	9,4%	0%	9,6%	0%
Dư nợ cho vay xóa đói giảm nghèo	102.748	105.805	109.170	1,5%	-2,9%	3,2%	-2,8%
Dư nợ chương trình cải thiện kinh tế	58.931	69.329	81.342	5,0%	2,2%	17,3%	2,2%
Dư nợ chương trình cho vay phát triển cơ sở hạ tầng	43.147	48.911	55.325	2,8%	0,8%	13,1%	0,7%
Dư nợ cho vay theo chương trình dự án	477	395	319	-0,0%	-0,1%	-19,2%	-0,0%
Dư nợ cho vay khác	1.503	1.757	1.814	0,1%	0,05%	3,2%	-0,0%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên NHCSXH

Bảng 4. Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên nguồn vốn của NHCSXH (2019-2021)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
Tổng nguồn vốn	216.362	238.376	261.611	22.014	23.235
Tổng dư nợ tín dụng	206.805	226.197	247.970	19.392	21.773
Tỷ lệ dư nợ tín dụng/tổng nguồn vốn	95,6%	94,9%	94,8%	-0,7%	-0,1%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên NHCSXH

Chỉ tiêu	2019	2020	2021
Tổng doanh số thu nợ (tỷ đồng)	54.071	56.303	58.288
Tổng dư nợ tín dụng bình quân (tỷ đồng)	206.805	216.501	237.803
Vòng quay tín dụng (vòng)	0,26	0,26	0,25

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Chỉ tiêu	2019	2020	2021
Tổng doanh số thu nợ (tỷ đồng)	54.071	56.303	58.288
Tổng doanh số cho vay	72.814	75.825	80.211
Tỷ lệ thu nợ	74,26%	74,25%	72,67%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

cao, điều này chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của ngân hàng nhanh. Doanh số cho vay tăng, phản ánh được kết quả về việc phát triển, mở rộng hoạt động vay của ngân hàng và tốc độ tăng trưởng tín dụng của ngân hàng hiện nay rất tốt.

3.7. Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh

Với số liệu Bảng 5 cho thấy tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh mỗi đều giảm, điều này chứng tỏ chất lượng tín dụng được ngân hàng quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả. Trong 2 năm 2020 và 2021, khoản nợ quá hạn và nợ khoanh tuy có tăng lên, nhưng việc tăng này do khách quan từ tác động của dịch bệnh Covid-19, nhiều doanh nghiệp sản xuất phải đóng cửa đã tác động đến khoản thu nhập, làm cho các đối tượng vay vốn chưa có khả năng trả được nợ.

Theo Hội đồng quản trị NHCSXH họp phiên thường niên quý IV/2022, ngày 6/01/2023, trong năm 2022, tăng trưởng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách, chất lượng nợ tiếp tục được duy trì ổn định. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh chiếm 0,67% trên tổng dư nợ.

Bảng 5. Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2020/2019	2021/2020
Tổng dư nợ	206.805	226.197	247.970	9,38%	9,63%
Nợ quá hạn	869	475	595	-45,31%	25,29%
Nợ khoanh	682	1.244	1.066	82,29%	-14,31%
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	0,42%	0,21%	0,24%	-0,21%	0,03%
Tỷ lệ nợ khoanh/tổng dư nợ	0,33%	0,55%	0,43%	0,22%	-0,12%

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên NHCSXH

4. Khuyến nghị

4.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, các quy định liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách

Cần tạo hành lang pháp lý cho hoạt động huy động vốn cũng như hoạt động tín dụng của NHCSXH bằng cách rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế chính sách hoạt động huy động vốn của NHCSXH trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định của pháp luật về tập trung huy động vốn cho tín dụng chính sách xã hội;

Nghiên cứu, xây dựng Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH; nghiên cứu, sửa đổi chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ.

4.2. Nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ với các tính năng hiện đại, dễ sử dụng, phù hợp với đối tượng. Nâng cấp mức độ đảm bảo an toàn cho các sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng.

- Tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn, thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của tổ trong việc thực hiện các nội dung của NHCSXH để đạt được hiệu quả hơn.

- Duy trì nâng cao chất lượng hoạt động giao dịch tại các điểm giao dịch xã để đưa nguồn tín dụng đến gần hơn với đối tượng chính sách. Ngoài ra, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các đối tượng.

4.3. Chương trình tín dụng chính sách xã hội cần được triển khai thực hiện có hiệu quả

Cần phải theo dõi, rà soát đánh giá kết quả thực hiện kịp thời để thấy những ưu và nhược điểm có

những biện pháp sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn.

4.4. Đa dạng hóa hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn

- Duy trì và phát triển các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, thị trường mở.

- Huy động vốn thông qua một số các hình thức phát hành giấy tờ có giá, huy động vốn từ tiền gửi, tiền vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với các quy định pháp luật.

- Phân bổ và sử dụng nguồn vốn tiết kiệm, hiệu quả, tăng cường các khoản thu từ hoạt động dịch vụ.

4.5. Chú trọng công tác tuyên truyền, công khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, nhằm truyền tải nội dung đầy đủ đến với các đối tượng. Tổ chức các cuộc vận động vì người nghèo đến các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các cá nhân để huy động bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội. Khuyến khích các tổ chức tài chính, các tập đoàn kinh tế,... đóng góp vào nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

4.6. Nâng cao khả năng quản lý tài chính và xử lý các khoản rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo hoạt động nợ xấu không quá 2% tổng dư nợ bằng hoàn thiện quy chế phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng, xử lý kịp thời, chính xác các khoản nợ theo đúng quy định.

4.7. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa ngành Ngân hàng, phù hợp với hoạt động đặc thù của tín dụng chính sách xã hội. Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng hoạt động ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2023). *Quyết định số 5/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030*.
2. Ngân hàng Chính sách xã hội (2022). *Báo cáo thường niên các năm 2019, 2020, 2021*.
3. Bộ Tư pháp (2023). *Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030*. Truy cập tại: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=3732>.
4. Fernando - Alvarez, Martin Fridson (2013). *Phân tích báo cáo tài chính*. NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phương Chi (2022). *Ngân hàng Chính sách xã hội chung tay cùng cả nước vượt qua đại dịch Covid-19*. Tạp chí Ngân hàng. Truy cập tại: <https://tapchinhnganhang.gov.vn/ngan-hang-chinh-sach-xa-hoi-chung-tay-cung-ca-nuoc-vuot-qua-dai-dich-covid-19.htm>.
6. Tạp chí Tài chính (2019). *Phát huy vai trò của công tác phân tích tài chính tại các ngân hàng thương mại*. Tạp chí Tài chính. Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn/phan-huy-vai-tro-cua-cong-tac-phan-tich-tai-chinh-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai.html>.

Ngày nhận bài: 27/1/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/3/2023

Thông tin tác giả:

1. ThS. HỒ THỊ YẾN LY

2. ThS. ĐỖ THỊ BÍCH HỒNG

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

**ANALYZING THE CREDIT PERFORMANCE
OF THE VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES**

● Master. **HO THI YEN LY**¹

● Master. **DO THI BICH HONG**¹

¹Ba Ria - Vung Tau University

ABSTRACT:

It is necessary for the Vietnam Bank for Social Policies to strengthen its capital mobilization and credit activities in order to become an important, self-control and stable credit institution, contributing to the implementation of the national target programs on sustainable poverty reduction, ensuring social security and sustainable development, and building new-style rural areas. By using the methods of statistics and synthesis, and analyzing the financial indicators on capital mobilization and credit performance, this paper finds out the advantages and disadvantages of the Vietnam Bank for Social Policies. Based on the paper's findings, some recommendations are made to improve the credit performance of the Vietnam Bank for Social Policies.

Keywords: financial analysis, capital mobilization, the Vietnam Bank for Social Policies, credit.